



Bảng 2 Điều 31 (kèm theo công văn số 228/QLLĐNN-ĐLAM ngày 20/02/2024)

Số lượng và tỷ lệ phần trăm lao động nước ngoài bỏ trốn khiến các công ty dịch vụ nhân lực nước ngoài không được gia hạn cấp phép, huỷ bỏ giấy phép và bị tạm dừng hồ sơ xin cấp thị thực

Số lượng lao động nước ngoài đưa vào Đài Loan làm việc	Tỷ lệ và số lao động bỏ trốn
Từ 1 đến 50 người	Trên 7,82%
Từ 51 đến 200 người	Trên 6,35% và 4 người
Từ 201 đến 500 người	Trên 4,3% và 13 người
Từ 501 đến 1.000 người	Trên 3,33% và 22 người
Trên 1.001 người	Trên 2,94% và 34 người

Chú thích 1: Số lượng lao động nước ngoài đưa vào Đài Loan làm việc :

1. Theo quy định tại điểm 15, khoản 1, Điều 31: là tổng số lao động do công ty dịch vụ nhân lực nước ngoài làm thủ tục đưa vào Đài Loan làm việc trong vòng 02 năm tính đến trước ngày nộp hồ sơ xin cấp phép.

2. Theo quy định tại điều 31.1: là tổng số lao động do công ty dịch vụ nhân lực nước ngoài làm thủ tục đưa vào Đài Loan làm việc trong vòng 3 tháng trước ngày kiểm tra.

Chú thích 2: Tỷ lệ bỏ trốn = Số lao động bỏ trốn / Số lao động nước ngoài đưa vào Đài Loan làm việc .

Chú thích 3: Số lao động bỏ trốn: là tổng số lao động nước ngoài vắng mặt không lý do 03 ngày liên tiếp và mất liên lạc trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, đã bị huỷ bỏ hoặc không được cấp gấp phép tuyển dụng.